

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ TỔNG HỢP
CẢNG HẢI PHÒNG**



**QUY CHẾ NỘI BỘ
VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY**

Hải Phòng, tháng 3 năm 2018

Số: 01/QC-HĐQT

Hải Phòng, ngày 01 tháng 3 năm 2018

QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY
CỦA CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ TỔNG HỢP CẢNG HẢI PHÒNG
(Ban hành theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số/NQ ngày 24 tháng 3 năm 2018)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Ý nghĩa và phạm vi điều chỉnh:

Quy chế nội bộ về quản trị công ty được xây dựng theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Thông tư số 95/2017/TT-BTC ngày 22/9/2017 của Bộ tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 6/6/2017 về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng.

Trong trường hợp có những quy định của Điều lệ công ty và văn bản pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Quy chế này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Quy chế này thì những quy định của Điều lệ công ty và các văn bản pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.

Điều 2. Giải thích thuật ngữ:

1. Những từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

a. "Công ty": Là Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Tổng hợp Cảng Hải Phòng có trụ sở tại Số 3 Lê Thánh Tông, Quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0203000025 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp lần đầu ngày 18/10/2000 và đăng ký thay đổi lần thứ 13 ngày 13/4/2017, mã số doanh nghiệp 0200408318.

b. "Quản trị công ty": Là hệ thống các quy tắc để đảm bảo cho công ty được định hướng điều hành và được kiểm soát một cách có hiệu quả vì quyền lợi của cổ đông và những người liên quan đến công ty. Các nguyên tắc quản trị công ty bao gồm:

- Đảm bảo một cơ cấu quản trị hiệu quả;
- Đảm bảo quyền lợi của cổ đông;
- Đối xử công bằng giữa các cổ đông;
- Đảm bảo vai trò của những người có quyền lợi liên quan đến công ty;
- Minh bạch trong hoạt động của công ty;
- Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát lãnh đạo và kiểm soát công ty có hiệu quả.

c. “Người có liên quan” là cá nhân hoặc tổ chức được quy định trong Khoản 34 Điều 6 của Luật Chứng khoán; khoản 17 Điều 4 Luật Doanh nghiệp;

d. Thành viên Hội đồng quản trị không điều hành là thành viên Hội đồng quản trị không phải là Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và những Cán bộ quản lý khác được Hội đồng quản trị bổ nhiệm;

đ. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập là thành viên hội đồng quản trị được quy định tại khoản 2 Điều 151 Luật doanh nghiệp;

2. Trong Quy chế này, các tham chiếu tới một hoặc một số điều khoản hoặc văn bản pháp luật sẽ bao gồm cả những sửa đổi bổ sung hoặc văn bản thay thế các văn bản đó.

Chương II

TRÌNH TỰ, THỦ TỤC VỀ TRIỆU TẬP VÀ BIỂU QUYẾT TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 3. Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông:

1. Sau khi có báo cáo kiểm toán, Hội đồng quản trị công ty hợp, ra quyết định triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và thống nhất thông qua các nội dung, chương trình đại hội.

2. Công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu **20** ngày trước ngày đăng ký cuối cùng.

3. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không sớm hơn năm (05) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông;

Điều 4. Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông:

1. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ):

a. Hàng năm, Công ty tổ chức họp ĐHCĐ thường niên ít nhất một lần. ĐHCĐ thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản. HĐQT triệu tập họp ĐHCĐ thường niên trong thời hạn bốn tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính, hoặc không quá 6 tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính nếu được cơ quan đăng ký kinh doanh gia hạn.

b. HĐQT triệu tập họp ĐHCĐ bất thường trong các trường hợp theo quy định tại khoản 3 Điều 14, Điều lệ Công ty.

2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc theo quy định tại khoản 2 Điều 18 Điều lệ công ty:

3. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 18 Điều lệ công ty.

Điều 5. Cách thức đăng ký và ủy quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông:

1. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được quy định tại Điều 19 Điều lệ công ty.

2. Các cổ đông có quyền tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật quy định tại điều 16 Điều lệ công ty

3. Cổ đông có thể đăng ký tham dự họp Đại hội đồng cổ đông theo cách thức đã ghi trong thông báo, bao gồm một trong cách thức sau: Đăng ký trực tiếp, qua điện thoại, fax, gửi bưu điện hoặc gửi thư điện tử cho công ty.

4. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.

Điều 6. Cách thức bỏ phiếu, kiểm phiếu, thông báo kết quả kiểm phiếu:

1. Khi đăng ký tham gia đại hội, mỗi cổ đông hoặc đại diện cổ đông/nhóm cổ đông tham gia biểu quyết, bầu cử được phát các phiếu biểu quyết, phiếu bầu cử đại diện cho số cổ phần sở hữu.

2. Phiếu biểu quyết, Phiếu bầu cử và cách thức biểu quyết, bầu cử tại ĐHĐCĐ: Hình thức, nội dung phiếu biểu quyết, Phiếu bầu cử, cách thức biểu quyết, bầu cử tại ĐHĐCĐ được thực hiện theo Quy chế biểu quyết, bầu cử được thông qua tại ĐHĐCĐ.

3. Nguyên tắc bầu thành viên HĐQT, BKS phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu theo quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp.

4. Kết quả kiểm phiếu được công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp. Thông báo kết quả kiểm phiếu phải nêu rõ số phiếu tán thành, số phiếu không tán thành, số phiếu không có ý kiến đối với từng vấn đề.

Điều 7. Cách thức phản đối, yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông:

Cách thức phản đối, yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông thực hiện theo quy định tại Điều 24 Điều lệ công ty và Điều 129 Luật Doanh nghiệp.

Điều 8. Lập Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông:

Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thực hiện theo quy định tại Điều 23 Điều lệ công ty.

Điều 9. Công bố Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông:

Công bố Nghị quyết ĐHĐCĐ ra công chúng theo quy định tại khoản 5 Điều 144 Luật Doanh nghiệp và các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Điều 10. Đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản:

1. Đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thực hiện theo quy định tại Điều 22 Điều lệ công ty.

2. Các trường hợp không được lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản: Theo quy định tại khoản 2 Điều 143 Luật Doanh nghiệp.

Chương III
ĐỀ CỬ, ỨNG CỬ, BẦU, MIỄN NHIỆM VÀ BÃI NHIỆM
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 11. Tiêu chuẩn thành viên Hội đồng quản trị:

1. Thành viên Hội đồng quản trị là những người mà pháp luật và Điều lệ công ty không cấm làm thành viên Hội đồng quản trị.
2. Tiêu chuẩn thành viên HĐQT theo quy định tại Điều 151 Luật Doanh nghiệp và khoản 3 Điều 26 Điều lệ công ty.
3. Thành viên HĐQT có thể kiêm nhiệm các chức vụ điều hành trực tiếp sản xuất của Công ty.

Điều 12. Cách thức cổ đông, nhóm cổ đông ứng cử, đề cử người vào vị trí thành viên của Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty:

1. Ứng cử, đề cử người vào vị trí thành viên của Hội đồng quản trị theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 25 Điều lệ công ty.
2. Trường hợp số lượng ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên. Thủ tục Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu ứng viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được ĐHĐCĐ thông qua trước khi tiến hành đề cử theo quy định pháp luật.

Điều 13. Cách thức bầu thành viên Hội đồng quản trị:

1. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu theo quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp.
2. Ứng viên trúng cử HĐQT phải đạt tỷ lệ phiếu bầu ít nhất 65% tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết và người đại diện cổ đông có quyền biểu quyết dự họp tại ĐHĐCĐ.
3. Căn cứ vào số lượng thành viên quy định cho HĐQT, ĐHĐCĐ sẽ dựa vào tỷ lệ phiếu bầu có số cổ phần cao nhất từ trên xuống để chọn cho đủ số lượng thành viên quy định đối với HĐQT.
4. Nếu vòng thứ nhất mà không đủ số thành viên HĐQT có tỷ lệ bầu ít hơn 65% thì ĐHĐCĐ tiếp tục bầu vòng thứ 2 trong số những ứng viên còn lại cho tới khi đủ thành viên HĐQT hoặc do ĐHĐCĐ quyết định.
5. Trường hợp phải lựa chọn một trong hai ứng viên đạt được tỷ lệ phiếu bầu ngang nhau thì ứng viên nào đang có số cổ phần nắm giữ nhiều hơn sẽ được chọn. Nếu số cổ phần nắm giữ bằng nhau thì việc lựa chọn sẽ do Chủ tọa quyết định theo một phương thức mà ĐHĐCĐ cho là phù hợp.
6. Kết quả bầu cử được công nhận sau khi biên bản bầu cử đã được Chủ tọa phê chuẩn và Nghị quyết được ĐHĐCĐ thông qua. Khi có kết quả bầu cử, HĐQT phải lựa chọn trong số các thành viên của mình để bầu ra một chủ tịch và các phó chủ tịch HĐQT.

Điều 14. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị:

1. Thành viên Hội đồng quản trị bị miễn nhiệm, bãi nhiệm theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 156 Luật doanh nghiệp và theo quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều 26 Điều lệ công ty.

2. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị theo quy định tại khoản 3 Điều 156 Luật doanh nghiệp.

Điều 15. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị:

Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố ra công chúng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Chương IV**TRÌNH TỰ VÀ THỦ TỤC TỔ CHỨC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ****Điều 16. Thông báo họp Hội đồng quản trị:**

Thông báo họp Hội đồng quản trị được thực hiện theo quy định tại khoản 2, khoản 7 Điều 30 Điều lệ công ty.

Điều 17. Điều kiện tổ chức họp Hội đồng quản trị:

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị theo quy định tại các khoản 3, 4, 5, 6, 8, 9 Điều 30 Điều lệ công ty.

Điều 18. Cách thức biểu quyết:

Cách thức biểu quyết được thực hiện theo quy định tại khoản 10, 11 Điều 30 Điều lệ công ty và khoản 6 Điều 142 Luật Doanh nghiệp.

Điều 19. Cách thức thông qua Nghị quyết của Hội đồng quản trị:

Thông qua Nghị quyết của Hội đồng quản trị được thực hiện theo quy định tại khoản 13, 14 Điều lệ công ty

Điều 20. Ghi biên bản họp Hội đồng quản trị:

Ghi biên bản họp Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 154 Luật Doanh nghiệp và khoản 15 Điều 30 Điều lệ công ty.

Điều 21. Thông báo nghị quyết Hội đồng quản trị:

Thông báo Nghị quyết Hội đồng quản trị công bố ra công chúng phải tuân thủ các quy định về công bố thông tin và theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Chương V**ĐỀ CỬ, ỨNG CỬ, BẦU, MIỄN NHIỆM
VÀ BÃI NHIỆM KIỂM SOÁT VIÊN**

Điều 22. Tiêu chuẩn kiểm soát viên:

1. Tiêu chuẩn kiểm soát viên theo quy định tại khoản 1, 2 Điều 37 Điều lệ công ty.
2. Ngoài ra kiểm soát viên phải là người có kinh nghiệm và trình độ chuyên môn về một trong các chuyên ngành kinh tế, quản trị kinh doanh, luật, kế toán, kiểm toán. Có sức khoẻ, phẩm chất đạo đức tốt, trung thực và hiểu biết pháp luật.

Điều 23. Cách thức cổ đông, nhóm cổ đông ứng cử, đề cử người vào vị trí kiểm soát viên theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty:

1. Ứng cử, đề cử người vào vị trí kiểm soát viên theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 25 Điều lệ công ty.
2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên. Thủ tục Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu ứng viên Ban kiểm soát phải được công bố rõ ràng và phải được ĐHĐCĐ thông qua trước khi tiến hành đề cử theo quy định pháp luật.

Điều 24. Cách thức bầu kiểm soát viên:

1. Việc biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu theo quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp.
2. Ứng viên trúng cử Ban kiểm soát phải đạt tỷ lệ phiếu bầu ít nhất 65% tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết và người đại diện cổ đông có quyền biểu quyết dự họp tại ĐHĐCĐ.
3. Căn cứ vào số lượng thành viên quy định cho Ban kiểm soát, ĐHĐCĐ sẽ dựa vào tỷ lệ phiếu bầu có số cổ phần cao nhất từ trên xuống để chọn cho đủ số lượng thành viên quy định đối với Ban kiểm soát.
4. Nếu vòng thứ nhất mà không đủ số thành viên Ban kiểm soát có tỷ lệ bầu ít hơn 65% thì ĐHĐCĐ tiếp tục bầu vòng thứ 2 trong số những ứng viên còn lại cho tới khi đủ thành viên Ban kiểm soát hoặc do ĐHĐCĐ quyết định.
5. Trường hợp phải lựa chọn một trong hai ứng viên đạt được tỷ lệ phiếu bầu ngang nhau thì ứng viên nào đang có số cổ phần nắm giữ nhiều hơn sẽ được chọn. Nếu số cổ phần nắm giữ bằng nhau thì việc lựa chọn sẽ do Chủ tọa quyết định theo một phương thức mà ĐHĐCĐ cho là phù hợp.
6. Kết quả bầu cử được công nhận sau khi biên bản bầu cử đã được Chủ tọa phê chuẩn và Nghị quyết được ĐHĐCĐ thông qua. Khi có kết quả bầu cử, các kiểm soát viên bầu 01 người trong số họ làm trưởng ban theo nguyên tắc đa số.

Điều 25. Cách trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm kiểm soát viên:

Kiểm soát viên bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong các trường hợp theo quy định tại khoản 4, khoản 5 Điều 37 Điều lệ công ty và không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 37 Điều lệ công ty.

Điều 26. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên:

Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên công bố ra công chúng phải tuân thủ các quy định về công bố thông tin và theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Chương VI LỰA CHỌN, BỔ NHIỆM, MIỄN NHIỆM NGƯỜI ĐIỀU HÀNH DOANH NGHIỆP

Điều 27. Các tiêu chuẩn của người điều hành doanh nghiệp:

1. Tiêu chuẩn và điều kiện làm Tổng giám đốc:

Theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 157 Luật Doanh nghiệp và khoản 1 Điều 35 Điều lệ công ty

2. Tiêu chuẩn và điều kiện làm Phó Tổng giám đốc:

a. Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định của pháp luật;

b. Là người có năng lực kinh doanh và tổ chức quản lý doanh nghiệp, hiểu biết pháp luật. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm thực tế trong quản trị kinh doanh trong ngành nghề kinh doanh chủ yếu của Công ty, có năng lực tổ chức chỉ đạo và thực hiện các công việc được giao trong lĩnh vực được phân công;

c. Có sức khỏe, phẩm chất đạo đức tốt, trung thực, liêm khiết, cẩn thận và có uy tín;

d. Không kiêm nhiệm bất cứ một chức vụ quản lý, điều hành nào tại các tổ chức kinh tế khác, trừ trường hợp được HĐQT Công ty cử tham gia quản lý tại các doanh nghiệp có vốn góp;

3. Tiêu chuẩn và điều kiện bổ nhiệm Kế toán trưởng, trưởng phòng Tài chính - Kế toán:

a. Không thuộc các đối tượng những người không được làm kế toán quy định tại Điều 51 Luật Kế toán

b. Có sức khỏe, có phẩm chất đạo đức nghề nghiệp, trung thực, liêm khiết, cẩn thận và có uy tín;

c. Có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ kế toán từ trình độ đại học trở lên, hiểu biết pháp luật. Thời gian công tác thực tế là kế toán ít nhất năm (05) năm;

d. Đối với kế toán trưởng phải có chứng chỉ kế toán trưởng theo quy định của pháp luật kế toán.

4. Tiêu chuẩn và điều kiện bổ nhiệm người quản lý khác (Trưởng, phó phòng; Giám đốc, phó giám đốc chi nhánh; Trưởng các đơn vị):

a. Có năng lực kinh doanh và tổ chức quản lý, hiểu biết pháp luật. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm thực tế trong quản trị kinh doanh ngành nghề kinh doanh của Công ty.

b. Có năng lực tổ chức chỉ đạo và thực hiện các công việc được giao trong lĩnh vực được phân công;

c. Có sức khỏe, có phẩm chất đạo đức tốt, trung thực, liêm khiết, cẩn thận và có uy tín.

Điều 28. Việc bổ nhiệm người điều hành doanh nghiệp:

Hội đồng quản trị Công ty là cơ quan trực tiếp thực hiện việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, chấp nhận, từ chối đối với người điều hành doanh nghiệp.

1. Bổ nhiệm Tổng giám đốc:

- Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị bổ nhiệm theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 35 Điều lệ công ty và khoản 1 Điều 157 Luật Doanh nghiệp.
- Hội đồng quản trị đề xuất, nhận xét, đánh giá đối với cá nhân cán bộ được đề xuất.

2. Bổ nhiệm Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng, Trưởng phòng Tài chính - Kế toán, Trưởng, phó phòng; Giám đốc, phó giám đốc chi nhánh; Trưởng, phó các đơn vị do Hội đồng quản trị bổ nhiệm trên cơ sở đề nghị của Tổng giám đốc.

Tổng giám đốc đề xuất lựa chọn cán bộ để giới thiệu cho Hội đồng quản trị căn cứ vào tiêu chuẩn và nhu cầu công việc của vị trí cần bổ nhiệm.

3. Sau khi tập hợp danh sách các ứng viên để bổ nhiệm vào vị trí Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng; Hội đồng quản trị tổ chức lấy phiếu tín nhiệm trong HĐQT. Nếu ứng viên đạt tối thiểu 2/3 ý kiến biểu quyết nhất trí của các thành viên HĐQT thì HĐQT ra quyết định bổ nhiệm.

Điều 29. Ký hợp đồng lao động với người điều hành doanh nghiệp:

1. Sau khi có quyết định bổ nhiệm người điều hành doanh nghiệp, Chủ tịch Hội đồng quản trị ký hợp đồng lao động hoặc phụ lục hợp đồng lao động cho người điều hành.

2. Nội dung hợp đồng lao động ghi rõ thù lao, tiền lương và lợi ích khác theo quy định tại khoản 2 điều 34 Điều lệ công ty và khoản 1 Điều 35 Luật Doanh nghiệp.

Điều 30. Các trường hợp miễn nhiệm người điều hành doanh nghiệp:

1. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm người điều hành trong các trường hợp sau:

- a. Do nhu cầu công tác, luân chuyển, điều chuyển cán bộ.
- b. Sức khỏe không đảm bảo để tiếp tục công việc.
- c. Không hoàn thành nhiệm vụ hoặc vi phạm nội quy, quy chế của Công ty, vi phạm pháp luật nhưng chưa đến mức cách chức hoặc buộc phải chấm dứt hợp đồng lao động.

2. Người điều hành xin từ chức phải làm đơn gửi cho Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị phải xem xét và ra quyết định trong thời hạn một tháng kể từ khi tiếp nhận đơn từ chức. Trong thời gian chưa có ý kiến chuẩn y của Hội đồng quản trị thì Cán bộ quản lý cấp cao đó vẫn phải tiếp tục thực hiện nhiệm vụ của mình ở vị trí đã được bổ nhiệm.

Điều 31. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm người điều hành doanh nghiệp:

Sau khi có quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm người điều hành doanh nghiệp, Công ty phải tổ chức thông báo trong nội bộ Công ty và công bố thông tin theo quy định của pháp luật chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Chương VII**PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ,
BAN KIỂM SOÁT VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC**

Điều 32. Việc mời tham dự họp giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng giám đốc:

1. Hội đồng quản trị mời Trưởng ban kiểm soát tham dự tất cả các cuộc họp của Hội đồng quản trị và có thể mời thêm một số thành viên Ban tổng giám đốc tham dự một số cuộc họp Hội đồng quản trị. Trưởng ban kiểm soát và thành viên ban tổng giám đốc được mời có thể tham gia thảo luận trong cuộc họp nhưng không có quyền tham gia biểu quyết.

2. Thông báo mời họp phải có đầy đủ nội dung chương trình họp và các tài liệu kèm theo phải được gửi đến người được mời cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị.

Điều 33. Thông báo nghị quyết của Hội đồng quản trị cho Ban kiểm soát:

Các nghị quyết của Hội đồng quản trị phải được gửi đến cho các kiểm soát viên cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị.

Điều 34. Tổng giám đốc:

1. Tổng giám đốc là người thay mặt điều hành hoạt động của công ty, đảm bảo công ty hoạt động liên tục và hiệu quả.

2. Tổng giám đốc điều hành chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn và phải báo cáo các cơ quan này khi được yêu cầu.

Điều 35. Các trường hợp Tổng giám đốc và Ban kiểm soát đề nghị triệu tập họp Hội đồng quản trị và những vấn đề cần xin ý kiến Hội đồng quản trị:

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị nêu tại khoản 3 Điều 30 Điều lệ công ty.

2. Những vấn đề cần xin ý kiến Hội đồng quản trị: Theo quy định tại khoản 2 Điều 149 Luật Doanh nghiệp.

Điều 36. Báo cáo của Tổng giám đốc với Hội đồng quản trị về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao:

1. Hàng tháng, Tổng giám đốc họp Ban tổng giám đốc để kiểm điểm, đánh giá việc thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị.

2. Hàng tháng, hàng quý, hàng năm hoặc đột xuất theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc phải báo cáo về tình hình hoạt động kinh doanh, phương hướng kinh doanh kỳ tới, kết quả thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị;

Điều 37. Phối hợp hoạt động kiểm soát, điều hành, giám sát giữa các thành viên Hội đồng quản trị, các kiểm soát viên và Tổng giám đốc công ty:

1. Các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên ban kiểm soát, thành viên ban Tổng giám đốc thường xuyên trao đổi trong công việc và cung cấp thông tin qua lại theo tinh thần hợp tác, có trách nhiệm, hỗ trợ, tạo thuận lợi cho công việc của các thành viên theo đúng quy định tại Điều lệ công ty và quy chế làm việc.

2. Ban Kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc trong việc quản lý và điều hành công ty; chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông trong thực hiện các nhiệm vụ được giao.

3. Hội đồng quản trị phải tạo điều kiện để Ban kiểm soát của công ty phát huy tác dụng của công tác kiểm tra, kiểm soát.

4. Ban kiểm soát phải thường xuyên phối hợp với Hội đồng quản trị, thông báo với Hội đồng quản trị về kết quả hoạt động của Ban kiểm soát, tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình các báo cáo, kết quả, kiến nghị lên đại hội đồng cổ đông.

Điều 38. Thư ký công ty:

1. Theo quy định tại khoản 5 Điều 152 Luật Doanh nghiệp: Khi xét thấy cần thiết, Chủ tịch Hội đồng quản trị tuyển dụng thư ký công ty để hỗ trợ Hội đồng quản trị và Chủ tịch Hội đồng quản trị thực hiện các nghĩa vụ thuộc thẩm quyền theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty, chịu sự chỉ đạo trực tiếp của chủ tịch Hội đồng quản trị.

2. Thư ký công ty có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

a. Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; ghi chép các biên bản họp;

b. Hỗ trợ thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;

c. Hỗ trợ Hội đồng quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị công ty;

d. Hỗ trợ công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông;

đ. Hỗ trợ công ty trong việc tuân thủ đúng các nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính;

e. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị. Tổ chức các cuộc họp HĐQT, ĐHĐCĐ hoặc ban kiểm soát. Chuẩn bị chương trình, hồ sơ, tài liệu liên quan và thư mời họp. Sọan thảo các văn bản, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và Chủ tịch Hội đồng quản trị.

f. Đảm bảo các Nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với luật pháp;

g. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản, nghị quyết họp Hội đồng quản trị, Đại hội đồng cổ đông cho thành viên của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát;

h. Thư ký Công ty có trách nhiệm bảo mật thông tin theo quy định của pháp luật.

Điều 39. Lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty gồm các nội dung chính sau đây:

1. Tiêu chuẩn của Người phụ trách quản trị công ty theo quy định tại khoản 2 Điều 32 Điều lệ công ty.

2. Việc bổ nhiệm Người phụ trách quản trị công ty theo quy định tại khoản 1 Điều 32 Điều lệ công ty.

3. Các trường hợp bãi nhiệm Người phụ trách quản trị công ty theo quy định tại khoản 3 Điều 32 Điều lệ công ty.

4. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty:

Sau khi có quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty, Công ty phải tổ chức thông báo trong nội bộ Công ty và công bố thông tin theo quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán./.

Chương VIII

QUY ĐỊNH VỀ ĐÁNH GIÁ HÀNG NĂM ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT ĐỐI VỚI THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ CÁC NGƯỜI ĐIỀU HÀNH DOANH NGHIỆP KHÁC

1. Hàng năm, căn cứ vào chức năng nhiệm vụ được phân công, Hội đồng quản trị tổ chức đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ phân công của từng thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và Ban điều hành.

2. Trưởng Ban kiểm soát tổ chức đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ phân công của từng kiểm soát viên.

3. Căn cứ vào kết quả đánh giá của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban điều hành; Tổng giám đốc trình Hội đồng quản trị (đối với bộ máy điều hành) đề xuất mức khen thưởng đối với các cá nhân.

4. Nguồn kinh phí khen thưởng: Được trích từ quỹ khen thưởng của công ty.

5. Mức khen thưởng: Căn cứ vào tình hình thực tế của từng năm để xây dựng mức khen thưởng cụ thể.

6. Xử lý vi phạm và kỷ luật:

a. Thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc, kiểm soát viên và cán bộ quản lý vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nhiệm vụ của mình với sự miễn cưỡng và năng lực chuyên môn phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.

b. Thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc, kiểm soát viên và cán bộ quản lý khi thực hiện nhiệm vụ mà có hành vi vi phạm quy định của pháp luật, quy định của công ty thì tùy theo mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật. Trường hợp gây thiệt hại đến lợi ích của công ty, của cổ đông thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

HÀ VĂN TIẾN

